GIẢI NGHĨA

Bắc đạo thiên hoàng hợi khí xung,
Đun sang bên tả tốt vô cùng,
Hợi gia kiền vị càng tinh tế,
Tai hữu đoài xung đến não nùng.

PHÂN KIM

Kiêm tý ngọ nên dùng canh tý canh ngọ (thuộc thổ)

Kiêm sửu mùi nên dùng đinh sửu đinh mùi (thuộc thủy)

Bên hữu trên đây đã nói rõ mọi phương hướng thuộc can chi hay bát quái nào, và các thứ long mạch theo như phép phân kim thuộc về những huyệt vì hướng gì, đại phàm xem hễ thấy nói rằng : thôi quan thì vân ấy là những thiên địa lý thôi quan của nhà họ Lại vậy.

TỔNG LUẬN VỀ HAI CUỘC ÂM DƯƠNG THEO THỦY PHÁP TỐT HAY XẤU

Đại phàm long mạch mà lại âm vị thì nên thiên táng đầu hướng về âm vị để được chính khí thủy đạo mạch hợp ở chỗ hợp tính, nên theo phát nguồn ở âm vị, âm vị tới minh đường rồi sẽ ra thủy khẩu được như thế thì là rất tốt, nhược bằng lẫn lộn tạp nhạp với dương thì trong kinh đã nói rằng: Đó là dương thủy phá âm cục tức là chủ xấu,

Kiền giáp khôn ất ly nhâm dần tuất khảm quí thân thìn ấy là mười hai vị đều thuộc về dương vậy.

Phàm lệ hễ long mạch lại dương vị, thì nên thiên táng theo hướng dương cốt làm sao để thu được dương thủy dẫn đến minh đường rồi phải có lối ra ngoài thủy khẩu được như thế thời là rất tốt, nhược bằng lẫn lộn với ở nơi âm thì là xấu

VẬN NIÊN TRONG MƯỜI HAI NĂM

Khi làm nhà, hoặc khi mai táng, nên biết những phương hướng nào tốt hay xấu.

Năm thái tuế gặp phải năm tý thì là địa vị ấy của thủy tinh vậy.

Chính sát là nam phương tỵ ngọ mùi chẳng nên làm nhà hay mai táng bính nhâm đinh qui là phương sát dữ.

Nên làm những hướng giáp canh ất tân tọa cấn hướng khôn thì là đại cát lợi.

Tháng ba tháng bẩy tháng mười một năm thái tuế đóng ở sửu thì là địa vị của kim tinh chính sát ở phương đông dần mão thìn chẳng nên dùng giáp canh ất tân, phạm sát phương dữ.

Nên dùng bính nhâm đinh qui tọa kiền hướng tốn dùng vào tháng hai tháng tư tháng sáu tháng tám tháng mười, tháng mười hai là đại cát lợi.

Năm thái tuế công ở dần thì là địa vị của hỏa tinh, chính sát tại Bắc phương hợi tý sửu chẳng nên dùng bính nhâm đinh qui là bốn hướng phạm sát nên dùng giáp canh

ất tân tọa cấn hướng khôn dùng vào những tháng giêng tháng ba tháng chín tháng mười một là đại cát.

Năm thái tuế đóng ở mão thì là địa vị của mộc tinh, chính sát tại phương tây thân dậu tuất chẳng nên dùng giáp canh ất tân là bốn hướng phạm sát nên dùng bính nhâm đinh quí tọa kiền hướng tốn nên dùng vào những tháng tám tháng mười tháng mười hai đều là đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở thìn thì là địa vị của thủy tinh chính sát tại phương nam tỵ ngọ mùi chẳng nên dùng bính nhâm đinh quí là bốn hướng phạm sát nên dùng giáp canh ất tân tọa cấn hướng khôn nên dùng vào những tháng giêng tháng năm tháng bẩy tháng mười một là đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở tỵ thì là địa vị của kim tinh, chính sát tại phương đông dần mão thìn chẳng nên dùng giáp canh ất tân là bốn hướng phạm sát, nên dùng bính nhâm đinh quí tọa kiền hướng tốn dùng vào những tháng tư tháng tám tháng mười hai là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở ngọ thì là địa vị của hỏa tinh chính sát tại phương bắc hợi tý sửu chẳng nên dùng bính nhâm đinh quí là bốn hướng phạm sát chỉ nên dùng giáp canh ất tân tọa cấn hướng khôn dùng vào những tháng giêng tháng ba tháng năm tháng chín đều là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở mùi thì là địa vị của mộc tinh, chính sát tại phương tây thân dậu tuất chẳng nên dùng giáp canh ất tân là bốn hướng phạm sát chỉ nên dùng bính nhâm đinh quí tọa kiền hướng tốn dùng vào những tháng tư tháng sáu tháng tám tháng mười hai là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở thân thì la địa vị của thủy tinh. Chính sát tại phương nam tỵ ngọ mùi chẳng nên dùng bính nhâm đinh quí là bốn hướng phạm sát, chỉ nên dùng giáp canh ất tân tọa khôn hướng cấn dùng vào những tháng năm tháng ba tháng chín tháng mười một là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở dậu thì là địa vị của kim tinh. Chính sát tại phương đông dần mão thìn chẳng nên dùng giáp canh ất tân là bốn hướng phạm sát mà chỉ nên dùng bính nhâm đinh quí tọa kiền hướng tốn dùng vào những tháng tư tháng sáu tháng tám tháng mười hai là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở tuất thì là địa vị của hỏa tinh. Chính sát ở phương bắc hợi tý sửu chẳng nên dùng bính nhâm đinh quí là bốn hướng phạm sát mà chỉ nên dùng giáp canh ất tân tọa khôn hướng cấn dùng vào những tháng giêng tháng ba tháng chín tháng bẩy tháng mười một là những tháng đại cát lợi.

Năm thái tuế đóng ở hợi thì là địa vị của mộc tinh. Chính sát tại phương tây thân dậu tuất chẳng nên dùng làm nhà hay thiên táng nên kiêng những giáp canh ất tân là bốn hướng phạm sát mà chỉ nên dùng bính nhâm đinh quí tọa kiền hướng tốn, khi dùng hướng nào phải chọn cho được những hướng thiên ất hay là quí nhâm là đại cát lợi.

PHÉP LUẬN DIỄN CẦM TINH

Người ta có thể thử đặt ra thành công thức để mà mô phỏng, để làm phương châm, để tìm ra sao nào là bản mệnh,

sao nào đóng ở cung nào, hoặc sao nào ghé vào cung độ nào? nhưng cũng chỉ có hai mươi bốn tám vì tinh tú chính mỗi tháng chia ra làm mười lăm phần hay là chia ra làm hai cung Tý ngọ mão dậu ấy là bốn cung chính rồi mỗi tháng có ba thứ sao mỗi thứ sao đều chủ phận trong mười ngày, bốn cung và ba thứ sao, tám cung lại chia làm hai thứ sao mỗi tháng là mười lăm phần mỗi phần là một thứ sao thí dụ từ ngày mười sáu đến ngày ba mươi mỗi một phần nửa là một phần sao, giả như năm giáp tý tháng giêng ngày tý là ngày mồng năm giờ sửu thời khắc ấy mấy sinh ra, sao thái dương và sao nữ ở cung độ thứ tư thì an mạnh ở cung dần. Sao vĩ và hỏa hổ độ bốn khởi từ cung ấy.

Đến ngày mười lăm ngày mười sáu thời lại bắt đầu từ sao ky và thủy báo cứ y như thế trong một năm mười hai tháng bắt chước theo kiểu mẫu như thế, bằng như khi gặp phải sao nào qua cung nào thì tìm ở bài ca dưới đây để mà tra cứu cho đúng thực để cho được biết những sự tốt xấu hay lành dữ thì lập tức thấy ngay.

Đó là một phép khôn khéo của người xưa đã nhất định như thế vậy.

巳 張 十五度 翼 軫 一度	**午** 柳 四度 星 張 十四度	**未** 井 九度 鬼 三度 柳	**申** 畢 七度 觜 参 八度 井
辰 氐 二度 角 十一度 軫	氐二度過卯 斗四度過丑 危十三度過亥	胃四度過酉 井九度過未 張十五度過巳	**酉** 畢 六度 昴 四度 胃
卯 氐 房 二度 心 三度 尾	尾三度過寅 女二度過子 奎二度過戌	畢七度過申 柳四度過午 軫十度過辰	**戌** 奎 十一度 婁 三度 胃
寅 斗 牛 三度 箕 三度 尾	**丑** 女 一度 牛 四度 斗	**子** 危 十二度 虛 二度 女	**亥** 奎 壁 一度 室 十三度 危

THÂN Tất 7 độ Tu Sâm 8 độ Tỉnh	**DẬU** Tất 6 độ Mão 4 độ Vị	**TUẤT** Khuê 11 độ Lâu 3 độ Vị	**HỢI** Khuê 1 độ Bích Thất 13 độ Nguy
MÙI Tỉnh độ Qui 3 độ Liễu	Đê 2 độ quá Mão Đầu 4 độ quá Sửu Nguy 13 độ quá Hợi	Vĩ 3 độ quá Dần Nữ 2 độ quá Tý Khuê 2 độ quá Tuất	**TÝ** Nguy 12 độ Hư 2 độ Nữ
NGỌ Liễu 4 độ Tinh 14 độ Trương	Vị 4 độ quá Dậu Tỉnh 9 độ quá Mùi Trương 15 độ quá Tỵ	Tất 7 độ quá Thân Liễu 4 độ quá Ngọ Chẩn 10 độ quá Thìn	**SỬU** Nữ 1 độ Ngưu 3 độ Đẩu
TỴ Trương 15 độ Dực 1 độ Chẩn	**THÌN** Đê 2 độ Giốc 11 độ Chẩn	**MÃO** Đê 2 độ Phòng Tâm 3 độ Vĩ	**DẦN** Đẩu 3 độ Ngưu Kỵ 3 độ Vĩ

巳 翼火蛇火星 昇殿 軫水蚓水星	**午** 土星 太陽柳土獐 大陰星日馬 昇殿張月鹿	**未** 井木犴木星 昇殿 鬼金羊金星	**申** 觜火星 昇殿 參水猿水星
辰 角木狡木星 昇殿 元金童金星	**中宮** 未 午 巳 辰 卯 寅 丑 子 亥 戌 酉 申		**酉** 胃土雉土星 鷄太陽昇殿 昴日 畢月烏太陰
卯 氐 土貉土星 房 日兎太陽 心 月狐太陰 昇殿			**戌** 奎木狼木星 昇殿 婁金狗金星
寅 箕水豹水星 昇殿 尾火虎火星	**丑** 女土蝠土星 牛金牛金星 斗木蟹木星 昇殿	**子** 危月燕太陰 昇殿 虛日鼠太陽	**亥** 奎木狼木星 昇殿 壁水水星 室火猪火星

THÂN
Sao tuy Hỏa tinh
Thăng điện
Sao sâm Thủy viên
thủy tinh

DẬU
Sao vị Thồ trĩ thồ tinh
thăng điện
Sao mão Nhật kê thái
dương
Sao tất Nguyệt ô thái
âm

TUẤT
Sao khuê mộc lang
mộc tinh thăng điện
Sao lâu kim cầu kim tinh

HỢI
Sao khuê Mộc lang
mộc tinh thăng điện
Sao bích thủy du thủy tinh
Sao thất hỏa du hỏa tinh

MÙI
Sao tỉnh mộc ngạn
mộc tinh
Thăng điện
Sao quỉ kim dương
kim tinh

NGỌ
Sao liễu thồ trương
thồ tinh
Sao tinh nhật mã
thái dương
Sao trương nguyệt
lộc thái âm thăng điện

TÝ
Sao nguy nguyệt yến
thái âm thăng điện
Sao hư nhiệt thử thái
dương

SỬU
Sao Nữ thồ bức thồ
tinh
Sao ngưu kim ngưu
kim tinh
Sao đầu mộc giải mộc
tinh thăng điện

TỴ
Sao dực hỏa xà
hỏa tinh Thăng điện
Sao chẩn thủy dẩn
thủy tinh

THÌN
Sao giốc mộc giảo mộc
tinh thăng điện
Sao cang kim long
kim tinh

MÃO
Sao đê thồ lạc thồ tinh
Sao phòng nhật thỏ
thái dương
Nguyệt hồ thái âm
sao tâm thăng điện

DẦN
Sao ky thủy báo thủy tinh
thăng điện
Sao vĩ hỏa hồ hỏa tinh

TRUNG ƯƠNG — THÂN, DẬU, TUẤT, HỢI, TÝ, SỬU, DẦN, MẸO, THÌN, TY, NGỌ, MÙI

巳 張十五度 翼 軫一度	午 柳四度 星 張十四度	未 井九度 鬼 柳三度	申 畢七度 觜 參 井八度
辰 氐二度 角 軫十一度			酉 畢六度 昴 胃四度
卯 氐二度 房 心 尾三度			戌 奎十一度 婁 胃三度
寅 斗三度 牛 箕 尾三度	丑 女一度 牛 斗四度	子 危十二度 虛 女二度	亥 奎一度 壁 室 危十三度

張十五度過巳
井九度過未
胃四度過酉
危十三度過亥
斗四度過丑
氐二度過卯

軫十度過辰
柳四度過午
畢七度過申
奎二度過戌
女二度過子
尾三度過寅

<table>
<tr>
<td>THÂN
Tất
Tụy
Thất độ
Sâm
Bát độ
Tỉnh</td>
<td>DẬU
Tất
Thất độ
Mão
Tứ độ
Vị</td>
<td>TUẤT
Khuê
thập nhất độ
Lâu
Tam bộ
Vị</td>
<td>HỢI
Khuê
Nhất độ
Bích
Thất
Thập tam độ
Nguy</td>
</tr>
<tr>
<td>MÙI
Tỉnh
Cửu độ
Quỷ
Tam độ
Liễu</td>
<td rowspan="2" colspan="2">Đê nhị độ quá mão
Đẩu Tứ độ quá Sửu
Nguy thập tam độ
quá hợi

Vĩ tam độ quá dần
Nữ nhị độ quá tý
Khuê nhị độ quá
tuất

Vị tứ độ quá dậu
Tinh cửu độ quá mùi
Trương thập ngũ
độ quá tỵ

Tất thất độ quá thân
Liễu tứ độ quá ngọ
Chẩn thập độ
quá thìn</td>
<td>TÝ
Nguy
Thập nhị độ
Hư
Nhị độ
Nữ</td>
</tr>
<tr>
<td>NGỌ
Liễu
Tứ độ
Tinh
Thập
Trương
tứ độ</td>
<td>SỬU
Nữ
Nhất độ
Ngưu
Tứ độ
Đẩu</td>
</tr>
<tr>
<td>TỴ
Trương
Thập ngũ độ
Dực
Nhất độ
Chẩn</td>
<td>THÌN
Đê
Nhị độ
Giốc
Thập nhất độ
Chẩn</td>
<td>MÃO
Đê
Nhị độ
Phòng
Tâm
Tam độ
Vĩ</td>
<td>DẦN
Đẩu
Tam độ
Ngưu
Kỵ
Tam độ
Vĩ</td>
</tr>
</table>

巳
翼火蛇火星
昇殿
水軫蚓水星

午
柳土獐土星
星日馬太陽
張月鹿太陰
昇殿

未
井木犴木星
昇殿
鬼金羊金星

申
觜火星
昇殿
參水猿水星

酉
胃土雉土星
昇殿
昴日鷄太陽
畢月烏太陰

戌
奎木狼木星
昇殿
婁金狗金星

亥
奎木狼木星
昇殿
壁水貐水星
室火貐火星

子
危月燕太陰
昇殿
虛日鼠太陽

丑
女土蝠土星
牛金牛金星
斗木蟹木星
昇殿

寅
箕水豹水星
昇殿
尾大虎火星

卯
氐土貉土星
房
冕太陽
月狐太陰
心昇殿

辰
角木狡木星
昇殿
亢金龍金星

中宮
丑 寅 戌 辰 乙 丁 未 申 酉 卯 亥 子

THÂN
sao tuy Hỏa tinh
Thăng điện
Sao sâm Thủy viên
thủy tinh

DẬU
Sao vị Thổ trĩ,
thổ tinh
thăng điện
Sao mão Nhật kê
thái dương
Sao tất Nguyệt ô
thái âm

TUẤT
Sao khuê Mộc lương
mộc tinh
Thăng điện
Sao lâu kim cầu
kim tinh

HỢI
Sao khuê mộc lang
mộc tinh
thăng điện
Sao bích Thủy du
thủy tinh
Sao thất Hỏa dư
hỏa tinh

MÙI
Sao tỉnh mộc ngạn
mộc tinh
Thăng điện
Sao qui kim dương
kim tinh

TÝ
Sao nguy nguyệt yến
thái âm
Thăng điện
Sao hư nhật thử
thái dương

NGỌ
Sao liễu thổ trương
mộc tinh
Sao tinh nhật mã
thái dương
Sao trương nguyệt
lộc thái âm
thăng điện

SỬU
Sao Nữ thổ tức thổ
tinh
Sao ngưu kim ngưu
kim tinh
Sao đẩu mộc giải
mộc tinh
thăng điện

TỴ
Sao dực hỏa xà
hỏa tinh
Thăng điện
Sao chẩn thủy dẫn
thủy tinh

THÌN
Sao giốc mộc giảo
tinh
thăng điện
sao cang kin long
kim tinh

MÃO
sao đê thổ lạc
thổ tinh
sao phòng nhật thổ
thái dương
Nguyệt hồ thái âm
sao tâm
thăng diên

DẦN
sao kỵ thủy báo
thủy tinh
thăng điện
sao vĩ hỏa hổ hỏa
tinh

TRUNG ƯƠNG

THÂN DẬU TUẤT HỢI TÝ SỬU DẦN MẸO THÌN TỴ NGỌ MÙI

巳 張翼軫 十五度 一度	午 柳星張 四度 十四度	未 井鬼柳 九度 三度	申 畢觜參井 七度 八度
辰 氐角軫 二度 十一度	氐二度過卯 斗四度過丑 危十三度過亥	胃四度過酉 井九度過未 張十五度過巳	酉 畢昴胃 六度 四度
卯 氐房心尾 二度 三度	尾三度過寅 女二度過子 奎二度過戌	畢七度過申 柳四度過午 軫十度過辰	戌 奎婁胃 十一度 三度
寅 斗牛箕尾 三度 三度	丑 女牛斗 一度 四度	子 危虛女 十二度 二度	亥 奎壁室危 一度 十三度

THÂN		DẬU		TUẤT		HỢI	
Tất Tuy Sâm Tỉnh	Thất độ Bát độ	Tất Mão Vị	Thất độ Tứ độ	Khuê Lâu Vị	thập nhất độ Tam bộ	Khuê Bích Thất Nguy	Nhất độ Thập tam độ

MÙI	
Tỉnh Quỷ Liễu	Cửu độ Tam độ

NGỌ	
Liễu Tinh Trương	Tứ độ Thập tứ độ

Đê nhị độ quá mão
Đẩu Tứ độ quá Sửu
Nguy thập tam độ
quá hợi

Vĩ tam độ quá dần
Nữ nhị độ quá tý
Khuê nhị độ quá
tuất

Vị tứ độ quá dậu
Tinh cửu độ quá mùi
Trương thập ngũ
độ quá tỵ

Tất thất độ quá thân
Liễu tứ độ quá ngọ
Chẩn thập độ
quá thìn

TÝ	
Nguy Hư Nữ	Thập nhị độ Nhị độ

SỬU	
Nữ Ngưu Đẩu	Nhất độ Tứ độ

TỴ		THÌN		MÃO		DẦN	
Trương Dực Chẩn	Thập ngũ độ Nhất độ	Đê Giốc Chẩn	Nhị độ Thập nhất độ	Đê Phòng Tâm Vĩ	Nhị độ Tam độ	Đẩu Ngưu Ky Vi	Tam độ Tam độ

申

觜火入垣
木入垣
參紫入垣

未

井金入垣
火入垣
鬼木入垣

午

柳土入垣
日入垣
星月入垣
張水顯榮局

巳

翼火入垣
水入垣
軫金入垣

酉

畢土入垣
昴日入垣
月八垣
胃羅八垣

辰

角木入垣
亢金入垣

夫星晨之八垣局如仕宦之在朝
堂上格之命須得星之歸垣位
則命職顯耀壓三台八八座乃
翰林之命格雖高而星不入
局則雖有祿位終爲中品下品之貴

戌

婁金入垣
奎木入垣

卯

氐日入垣
月入垣
房宊天堂局
心維入垣

亥

壁火入垣
木入垣
室火文昌垣

子

危日入垣
虛土入垣
女月入垣

丑

牛木入垣
土大常垣
斗金入垣

寅

尾火入垣
木入垣
箕紫入垣

THÂN

Sao tuy hỏa tinh nhập viên
Mộc tinh nhập viên
Sao sâm sao tử vi nhập viên

DẬU

Sao tất thổ tinh nhập viên
Nhật tinh nhập viên
Mão nguyệt tinh nhập viên
Sao Vị la tinh nhập viên

TUẤT

Sao lâu Kim tinh nhập viên
Sao khuê mộc tinh nhập viên

HỢI

Sao bích Hỏa tinh nhập viên
Mộc tinh nhập viên
Sao thất Hỏa tinh văn xương nhập viên

MÙI

Sao tỉnh kim tinh nhập viên
Hỏa tinh nhập viên
Sao qủi mộc tinh nhập viên

NGỌ

Sao Liễu thổ tinh nhập viên
nhật tinh
Sao tinh
nhập viên
Nguyệt tinh
nhập viên
Sao trương thủy tinh hiền vinh cục

Kìa như sao bản mạnh tinh thần vào được trong viên cục, cũng như người làm quan ở triều đường mà được sao bản mệnh củng chiếu vào cung viên thì mạng mình hiền vinh phát đạt vẻ vang thế lực có thể đè được tước tam thai vào được tám tòa quan thượng tọa. Đó là vận mệnh hàn lâm

Nhưng nếu cách dẫu cao mà tinh thần không vào được viên cung, thì dẫu có tài lộc chức vị cũng là bậc trung bậc dưới mà thôi.

TÝ

Sao nguy nhật tinh nhập viên
Sao Hư thổ tinh nhập viên
Sao Nữ Nguyệt tinh nhập viên

SỬU

Sao ngưu mộc tinh nhập viên
Thổ tinh thái thường nhập viên
Sao Đẩu kim tinh nhập viên

TỴ

Sao dực hỏa tinh nhập viên
Thủy tinh nhập viên
Sao Chẩn kim tinh nhập viên

THÌN

Sao Giốc mộc tinh nhập viên
Sao cang kim tinh nhập viên

MÃO

Sao đê nhật tinh nhập viên
Nguyệt tinh nhập viên
Sao phòng tai thiên đường cục
Sao tâm duy tinh nhập viên

DẦN

Sao vĩ Hỏa tinh nhập viên
Mộc tinh nhập viên
Sao ky tử vi nhập viên

巳 翼火入垣 水入垣 軫金入垣	午 柳土入垣 日入垣 星月入垣 張水顯榮局	未 井金入垣 火入垣 鬼木入垣	申 觜火入垣 木入垣 參紫入垣
辰 角木入垣 亢金入垣	夫星晨之八垣局如仕宦之在朝 堂上格之命須得星之歸垣位 則命職顯耀壓三台八八座乃 翰林之命格雖高而星不入 局則雖有祿位終爲中品下品之貴		酉 畢土入垣 昴日入垣 月八垣 胃羅八垣
卯 氐日入垣 月入垣 房宊天堂局 心維入垣			戌 婁金入垣 奎木入垣
寅 尾火入垣 木入垣 箕紫入垣	丑 牛木入垣 土大常垣 斗金入垣	子 危日入垣 虛土入垣 女月入垣	亥 壁火入垣 木入垣 室火文昌垣

THÂN

Sao tuy hỏa tinh nhập viên
Mộc tinh nhập viên
Sao sâm sao tử vi nhập viên

DẬU

Sao tất thổ tinh nhập viên
Nhật tinh nhập viên
Mão nguyệt tinh nhập viên
Sao Vị la tinh nhập viên

TUẤT

Sao lâu Kim tinh nhập viên
Sao khuê mộc tinh nhập viên

HỢI

Sao bích Hỏa tinh nhập viên
Mộc tinh nhập viên
Sao thất Hỏa tinh văn xương nhập viên

MÙI

Sao tỉnh kim tinh nhập viên
Hỏa tinh nhập viên
Sao qủi mộc tinh nhập viên

TÝ

Sao nguy nhật tinh nhập viên
Sao Hư thổ tinh nhập viên
Sao Nữ Nguyệt tinh nhập viên

NGỌ

Sao Liễu thổ tinh nhập viên
Sao tinh nhật tinh nhập viên
Nguyệt tinh nhập viên
Sao trương thủy tinh hiền vinh cục

SỬU

Sao ngưu mộc tinh nhập viên
Thổ tinh thái thường nhập viên
Sao Đẩu kim tinh nhập viên

TỴ

Sao dực hỏa tinh nhập viên
Thủy tinh nhập viên
Sao Chẩn kim tinh nhập viên

THÌN

Sao Giốc mộc tinh nhập viên
Sao cang kim tinh nhập viên

MÃO

Sao đê nhật tinh nhập viên
Nguyệt tinh nhập viên
Sao phòng tai thiên đường cục
Sao tâm duy tinh nhập viên

DẦN

Sao vĩ Hỏa tinh nhập viên
Mộc tinh nhập viên
Sao ky tử vi nhập viên

Kìa như sao bản mạnh tinh thần vào được trong viên cục, cũng như người làm quan ở triều đường mà được sao bản mệnh củng chiếu vào cung viên thì mạng mình hiển vinh phát đạt vẻ vang thế lực có thể đè được tước tam thai vào được tám tòa quan thượng tọa. Đó là vận mệnh hàn lâm

Nhưng nếu cách dẫu cao mà tinh thần không vào được viên cung, thì dẫu có tài lộc chức vị cũng là bậc trung bậc dưới mà thôi.

<table>
<tr><td>巳
翼火入垣
水入垣
軫金入垣</td><td>午
柳土入垣
星日入垣
月入垣
張水顯榮局</td><td>未
井金入垣
火入垣
鬼木入垣</td><td>申
觜火入垣
木入垣
參紫入垣</td></tr>
<tr><td>辰
角木入垣
亢金入垣</td><td colspan="2" rowspan="2">夫星晨之八垣局如仕宦之在朝
堂上格之命須得星之歸垣位
則命職顯耀壓三台八八座乃
翰林之命格雖高而星不入
局則雖有祿位終爲中品下品之貴</td><td>酉
畢土入垣
昴日入垣
月入垣
胃羅入垣</td></tr>
<tr><td>卯
氐日入垣
房月入垣
宊天堂局
心維入垣</td><td>戌
婁金入垣
奎木入垣</td></tr>
<tr><td>寅
尾火入垣
木入垣
箕紫入垣</td><td>丑
牛木入垣
土太常八垣
斗金入垣</td><td>子
危日入垣
虛土入垣
女月入垣</td><td>亥
壁火入垣
木入垣
室火文昌垣</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>THÂN</td>
<td>Sao tuy hỏa tinh nhập viên
Mộc tinh nhập viên
Sao sâm sao tử vi nhập viên</td>
<td>DẬU</td>
<td>Sao tất thổ tinh nhập viên
Nhật tinh nhập viên
Mão nguyệt tinh nhập viên
Sao Vị la tinh nhập viên</td>
<td>TUẤT</td>
<td>Sao lâu Kim tinh nhập viên
Sao khuê mộc tinh nhập viên</td>
<td>HỢI</td>
<td>Sao bích Hỏa tinh nhập viên
Mộc tinh nhập viên
Sao thất Hỏa tinh văn xương nhập viên</td>
</tr>
<tr>
<td>MÙI</td>
<td>Sao tỉnh kim tinh nhập viên
Hỏa tinh nhập viên
Sao qủi mộc tinh nhập viên</td>
<td colspan="4" rowspan="2">Kìa như sao bản mạnh tinh thần vào được trong viên cục, cũng như người làm quan ở triều đường mà được sao bản mệnh củng chiếu vào cung viên thì mạng mình hiền vinh phát đạt vẻ vang thế lực có thể đè được tước tam thai vào được tám tòa quan thượng tọa. Đó là vận mệnh hàn lâm

Nhưng nếu cách dẫu cao mà tinh thần không vào được viên cung, thì dẫu có tài lộc chức vị cũng là bậc trung bậc dưới mà thôi.</td>
<td>TÝ</td>
<td>Sao nguy nhật tinh nhập viên
Sao Hư thổ tinh nhập viên
Sao Nữ Nguyệt tinh nhập viên</td>
</tr>
<tr>
<td>NGỌ</td>
<td>Sao Liễu thổ tinh nhập viên
Sao tinh nhật tinh nhập viên
Nguyệt tinh nhập viên
Sao trương thủy tinh hiền vinh cục</td>
<td>SỬU</td>
<td>Sao ngưu mộc tinh nhập viên
Thổ tinh thái thường nhập viên
Sao Đẩu kim tinh nhập viên</td>
</tr>
<tr>
<td>TỴ</td>
<td>Sao dực hỏa tinh nhập viên
Thủy tinh nhập viên
Sao Chẩn kim tinh nhập viên</td>
<td>THÌN</td>
<td>Sao Giốc mộc tinh nhập viên
Sao cang kim tinh nhập viên</td>
<td>MÃO</td>
<td>Sao đê nhật tinh nhập viên
Nguyệt tinh nhập viên
Sao phòng tai thiên đường cục
Sao tâm duy tinh nhập viên</td>
<td>DẦN</td>
<td>Sao vĩ Hỏa tinh nhập viên
Mộc tinh nhập viên
Sao ky tử vi nhập viên.</td>
</tr>
</table>

TỴ

DỰC
Hỏa xà hỏa tinh
Thăng điện
Chẩn
Thủy dẫn thủy tinh

NGỌ

Liễu Thổ trương thổ tinh
TINH
Nhật mã thái dương
TRƯƠNG
Nguyệt lộc thái âm
Thăng điện

MÙI

TỈNH
mộc ngạn mộc tinh
Thăng điện
QỦY
Kim dương kim tinh

THÂN

Tuy
Hỏa tinh
Thăng điện
Sâm
Thủy tinh
thủy viên

DẬU

Vị Thổ trĩ thổ tinh
thăng điện
Mão Nhật kê
thái dương
Tất nguyệt ô thái âm

TUẤT

Khuê
Mộc viên
Mộc tinh
Thăng điện
Lâu
Kim cẩu kim tinh

HỢI

Khuê
Mộc lang Mộc tinh
Thăng điện
BÍCH
Thủy du thủy tinh
THẤT
Hỏa trư, Hoa tinh

TÝ

NGUY
Nguyệt yến
thái âm
Thăng điện
HƯ
Nhật thử thái
dương

SỬU

NỮ
Thổ bức thổ tinh
NGƯU
Kim ngưu kim tinh
ĐẨU
Một giải mộc tinh
Thăng điện

DẦN

KY
Thủy báo thủy
tinh
thăng điện
VI
Hỏa hổ hỏa tinh

MÃO

ĐỂ Thổ lạc thổ tinh
PHÒNG
Nhật thỏ thái dương
TÂM
Nguyệt hồ
Thái âm
Thăng điện

THÌN

GIÓC
Mộc giảo Mộc tinh
Thăng điện
CANG
Kim long kim
tinh

TRUNG ƯƠNG

TÝ SỬU DẦN MẸO THÌN TỴ NGỌ MÙI THÂN DẬU TUẤT HỢI

TỴ	NGỌ	MÙI	THÂN
DỰC Hỏa xà hỏa tinh Thăng điện CHẨN Thủy dẫn thủy tinh	Liễu Thổ trương thổ tinh TINH Nhật mã thái dương TRƯƠNG Nguyệt lộc thái âm Thăng điện	TỈNH mộc ngạn mộc tinh Thăng điện QUỶ Kim dương kim tinh	Tuy Hỏa tinh Thăng điện Sâm Thủy tinh thủy viên
THÌN			**DẬU**
GIÓC Mộc giao Mộc tinh Thăng điện CANG Kim long kim tinh	TRUNG ƯƠNG NGỌ, MÙI, THÂN, DẬU, TUẤT, HỢI, TÝ, SỬU, DẦN, MẸO, THÌN, TỴ		Vị Thổ trĩ thổ tinh thăng điện Mão Nhật kê thái dương Tất nguyệt ô thái âm
MÃO			**TUẤT**
ĐỂ Thổ lạc thổ tinh PHÒNG Nhật thổ thái dương TÂM Nguyệt hổ Thái âm Thăng điện			Khuê Mộc viên Mộc tinh Thăng điện Lâu Kim cẩu kim tinh
DẦN	**SỬU**	**TÝ**	**HỢI**
KY Thủy báo thủy tinh thăng điện VI Hỏa hổ hỏa tinh	NỮ Thổ bức thổ tinh NGƯU Kim ngưu kim tinh ĐẨU Một giải mộc tinh Thăng điện	NGUY Nguyệt yến thái âm Thăng điện HƯ Nhật thử thái dương	Khuê Mộc lang Mộc tinh Thăng điện BÍCH Thủy du thủy tinh THẤT Hỏa trư, Hoa tinh

THÂN Tuy Sâm Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Tử nhập viên	**DẬU** Tất Mão Vị Thổ nhập viên Nhật nhập viên Nguyệt nhập viện La nhập viên	**TUẤT** Lâu Khuê Kim nhập viên Mộc lập viên	**HỢI** Bích thất Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Hỏa văn xương viên
MÙI Tĩnh Qủy Kim nhập viên Hỏa nhập viên Mộc nhập viên	Phù tinh thần chi nhập viên cục, Như sĩ hoạn chi tại triều cường, thượng cách chi mạnh, tu đắc tinh chi qui viên vị, tắc mạnh chức hiển diệu, áp tam thai nhập bát tọa, Nãi hàn lâm chi mạnh, cách tuy cao. Nhi tinh bất nhập cục, tắc tuy hữu lộc vị. chung vị, chung phẩm hạ phẩm chi quí.		**TÝ** Nguy Hư Nữ Nhật nhập viên Thổ nhập viên Nguyệt nhập viên
NGỌ Liễu Tinh Trương Thổ nhập viên Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên Thủy hiền vinh cục			**SỬU** Ngưu đẩu Mộc nhập viên Thổ thá thường viên Kim nhập viên
TỴ Dực chẩn Hỏa nhập viên Thủy nhập viên Kim nhập viên	**THÌN** Giốc Cang Mộc nhập viên Kim nhập viên	**MÃO** Đê Phòng Tâm Nhật nhập viên Nguyệt nhập viên Tai thiên đường cục Duy nhập viên	**DẦN** Vĩ Ky Hỏa nhập viên Mộc nhập viên Tử nhập viên

THÂN Tuy Hỏa tinh Thăng điện Sâm Thủy tinh thủy viên	**DẬU** Vị thổ trì thổ tinh thăng điện Mão Nhật kê thái dương Tất nguyệt ô thái âm	**TUẤT** Khuê Mộc viên Mộc tinh Thăng điện Lâu Kim cầu kim tinh	**HỢI** Khuê Mộc lang Mộc tinh Thăng điện BÍCH Thủy du thủy tinh THẤT Hỏa trư Hỏa tinh
MÙI TỈNH Mộc ngạn mộc tinh Thăng điện QUỶ Kim dương kim tinh	THÂN DẬU TUẤT HỢI TÝ SỬU DẦN MẸO THÌN TỴ NGỌ MÙI TRUNG ƯƠNG		**TÝ** NGUY Nguyệt yến Thái âm Thăng điện HƯ Nhật thử thái dương
NGỌ LIỄU Thổ trương thổ tinh TINH Nhật mã thái dương TRƯƠNG Nguyệt lộc thái âm Thăng điện			**SỬU** NỮ Thổ bức thổ tinh NGƯU Kim ngưu kim tinh ĐẨU Mộc giải mộc tinh Thăng điện
TỴ DỰC Hỏa xà hỏa tinh Thăng điện Chẩn Thủy dẫn thủy tinh	**THÌN** GIỐC Mộc giảo Mộc tinh Thăng điện CANG Kim long kim tinh	**MÃO** DỂ Thổ lạc thổ tinh PHÒNG Nhật thố thái dương TÂM Nguyệt hồ thái âm Thăng điện	**DẦN** KY Thủy báo thủy tinh thăng điện VI Hỏa hổ hỏa tinh

THÂN Tất Tuy 7 độ Sâm Tỉnh 8 độ	**DẬU** Tất 6 độ Mão Vị 4 độ	**TUẤT** Khuê 11 độ Lâu Vị 3 độ	**HỢI** Khuê 1 độ Bích Thất 13 độ Nguy
MÙI Tỉnh 9 độ Qui 3 độ Liễu	**Đê 2 độ quá Mão** **Đầu 4 độ quá Sửu** **Nguy 13 độ quá Hợi**	**Vĩ 3 độ quá Dần** **Nữ 2 độ quá Tý** **Khuê 2 áộ quá Tuất**	**TÝ** Nguy 12 độ Hư 2 độ Nữ
NGỌ Liễu 4 độ Tỉnh 14 độ Trương	**Vị 4 độ quá Dậu** **Tỉnh 9 độ quá Mùi** **Trương 15 độ quá Tỵ**	**Tất 7 độ quá Thân** **Liễu 4 độ quá Ngọ** **Chẩn 10 độ quá Thìn**	**SỬU** Nữ 1 độ Ngưu 3 độ Đẩu
TỴ Trương 15 độ Dực 1 độ Chẩn	**THÌN** Đê 2 độ Giốc 11 độ Chẩn	**MÃO** Đê 2 độ Phòng Tâm 3 độ Vĩ	**DẦN** Đẩu 3 độ Ngưu Kỳ 3 độ Vĩ

<table>
<tr>
<td>THÂN</td>
<td>Tất
Tuy
Thất độ
Sâm
Bát độ
Tỉnh</td>
<td>DẬU</td>
<td>Tất
Thất độ
Mão
Tứ độ
Vị</td>
<td>TUẤT</td>
<td>Khuê
thập nhất độ
Lâu
Tam bộ
Vị</td>
<td>HỢI</td>
<td>Khuê
Nhất độ
Bích
Thất
Thập tam độ
Nguy</td>
</tr>
<tr>
<td>MÙI</td>
<td>Tỉnh
Cửu độ
Quỷ
Tam độ
Liễu</td>
<td colspan="4" rowspan="2">Đê nhị độ quá mão
Đẩu Tứ độ quá Sửu
Nguy thập tam độ quá hợi

Vị tứ độ quá dậu
Tỉnh cửu độ quá mùi
Trương thập ngũ độ quá tỵ

Vĩ tam độ quá dần
Nữ nhị độ quá tý
Khuê nhị độ quá tuất

Tất thất độ quá thân
Liễu tứ độ quá ngọ
Chẩn thập độ quá thìn</td>
<td>TÝ</td>
<td>Nguy
Thập nhị độ
Hư
Nhị độ
Nữ</td>
</tr>
<tr>
<td>NGỌ</td>
<td>Liễu
Tứ độ
Tinh
Thập
Trương
tứ độ</td>
<td>SỬU</td>
<td>Nữ
Nhất độ
Ngưu
Tứ độ
Đẩu</td>
</tr>
<tr>
<td>TỴ</td>
<td>Trương
Thập ngũ độ
Dực
Nhất độ
Chẩn</td>
<td>THÌN</td>
<td>Nhị độ
Giốc
Thập nhất độ
Chẩn</td>
<td>MÃO</td>
<td>Đê
Nhị độ
Phòng
Tâm
Tam độ
Vĩ</td>
<td>DẦN</td>
<td>Đẩu
Tam độ
Ngưu
Ky
Tam độ
Vi</td>
</tr>
</table>

THÂN

Sao tuy Hỏa tinh
Thăng điện
Sao sâm Thủy viên
thủy tinh

DẬU

Sao vị Thổ trĩ thổ tinh
thăng điện
Sao mão Nhật kê thái
dương
Sao tất Nguyệt ô thái
âm

TUẤT

Sao khuê mộc lang
mộc tinh thăng điện
Sao lâu kim cầu kim tinh

HỢI

Sao khuê Mộc lang
mộc tinh thăng điện
Sao bích thủy du thủy tinh
Sao thất hỏa du hỏa tinh

MÙI

Sao tỉnh mộc ngạn
mộc tinh
Thăng điện
Sao quỉ kim dương
kim tinh

NGỌ

Sao liễu thổ trương
thổ tinh
Sao tinh nhật mã
thái dương
Sao trương nguyệt
lộc thái âm thăng điện

TRUNG ƯƠNG

THÂN, DẬU, TUẤT, HỢI, TÝ, SỬU, DẦN, MẸO, THÌN, TỴ, NGỌ, MÙI

TÝ

Sao nguy nguyệt yến
thái âm thăng điện
Sao hư nhiệt thử thái
dương

SỬU

Sao Nữ thổ bức thổ
tinh
Sao ngưu kim ngưu
kim tinh
Sao đầu mộc giải mộc
tinh thăng điện

TỴ

Sao dực hỏa xà
hỏa tinh Thăng điện
Sao chẩn thủy dẫn
thủy tinh

THÌN

Sao giốc mộc giảo mộc
tinh thăng điện
Sao cang kim long
kim tinh

MÃO

Sao đê thổ lạc thổ tinh
Sao phòng nhật thỏ
thái dương
Nguyệt hồ thái âm
sao tâm thăng điện

DẦN

Sao ky thủy báo thủy tinh
thăng điện
Sao vĩ hỏa hổ hỏa tinh

<table>
<tr>
<td>TỴ
Dực
chẩn
Hỏa nhập viên
Thủy nhập viên
Kim nhập viên</td>
<td>NGỌ
Liễu
Tinh
Trương
Thổ nhập viên
Nhật nhập viên
Nguyệt nhập viên
Thủy hiển vinh cục</td>
<td>MÙI
Tỉnh
Quỷ
Kim nhập viên
Hỏa nhập viên
Mộc nhập viên</td>
<td>THÂN
Tuy
Sâm
Hỏa nhập viên
Mộc nhập viên
Tử nhập viên</td>
</tr>
<tr>
<td>THÌN
Giốc
Cang
Mộc nhập viên
Kim nhập viên</td>
<td colspan="2" rowspan="2">Phù tinh thần chi nhập viên cục, Như sĩ hoạn chi tại triều đường, thượng cách chi mạnh, tu đắc tinh chi qui viên vị, tắc mạnh chức hiển diệu, áp tam thai nhập bát tọa, Nãi hàn lâm chi mạnh, cách tuy cao Nhi tinh bất nhập cục, tắc tuy hữu lộc vị. chung vị chung phẩm hạ phẩm chi quí.</td>
<td>DẬU
Tất
Mão
Vị
Thổ nhập viên
Nhật nhập viên
Nguyệt nhập viện
La nhập viên</td>
</tr>
<tr>
<td>MÃO
Đê
Phòng
Tâm
Nhật nhập viên
Nguyệt nhập viên
Tai thiên đường cục
Duy nhập viên</td>
<td>TUẤT
Lâu
Khuê
Kim nhập viên
Mộc lập viên</td>
</tr>
<tr>
<td>DẦN
Vĩ
Ky
Hỏa nhập viên
Mộc nhập viên
Tử nhập viên</td>
<td>SỬU
Ngưu
đẩu
Mộc nhập viên
Thổ thá thường viên
Kim nhập viên</td>
<td>TÝ
Nguy
Hư
Nữ
Nhật nhập viên
Thổ nhập viên
Nguyệt nhập viên</td>
<td>HỢI
Bích
thất
Hỏa nhập viên
Mộc nhập viên
Hỏa văn xương viên</td>
</tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>THÂN
Tuy
Sâm
Hỏa nhập viên
Mộc nhập viên
Tử nhập viên</td>
<td>DẬU
Tất
Mão
Vị
Thổ nhập viên
Nhật nhập viên
Nguyệt nhập viện
La nhập viên</td>
<td>TUẤT
Lâu
Khuê
Kim nhập viên
Mộc lập viên</td>
<td>HỢI
Bích
thất
Hỏa nhập viên
Mộc nhập viên
Hỏa văn xương viên</td>
</tr>
<tr>
<td>MÙI
Tỉnh
Qủy
Kim nhập viên
Hỏa nhập viên
Mộc nhập viên</td>
<td colspan="2" rowspan="2">Phù tinh thần chi nhập viên cục, Như sĩ hoạn chi tại triều cường, thượng cách chi mạnh, tu đắc tinh chi qui viên vị, tắc mạnh chức hiển diệu, áp tam thai nhập bát tọa, Nãi hàn lâm chi mạnh, cách tuy cao. Nhi tinh bất nhập cục, tắc tuy hữu lộc vị. chung vị, chung phẩm hạ phẩm chi quí.</td>
<td>TÝ
Nguy
Hư
Nữ
Nhật nhập viên
Thổ nhập viên
Nguyệt nhập viên</td>
</tr>
<tr>
<td>NGỌ
Liễu
Tinh
Trương
Thổ nhập viên
Nhật nhập viên
Nguyệt nhập viên
Thủy hiền vinh cục</td>
<td>SỬU
Ngưu
đầu
Mộc nhập viên
Thổ thá thường viên
Kim nhập viên</td>
</tr>
<tr>
<td>TỴ
Dực
chần
Hỏa nhập viên
Thủy nhập viên
Kim nhập viên</td>
<td>THÌN
Giốc
Cang
Mộc nhập viên
Kim nhập viên</td>
<td>MÃO
Đê
Phòng
Tâm
Nhật nhập viên
Nguyệt nhập viên
Tai thiên đường cục
Duy nhập viên</td>
<td>DẦN
Vĩ
Ky
Hỏa nhập viên
Mộc nhập viên
Tử nhập viên</td>
</tr>
</table>

Bảng đồ của Tinh Thần Quý Cách

TẤN

Thủy tinh
thồ tinh
cùng hội

TRIỆU

Nguyệt đáo
kim ngưu
vị
Kim tinh trợ minh nguyệt

LỖ

Thồ tinh nhật tinh
hợp chiếu
Nhật tinh gặp
bạch dương
Hỏa tinh cư
Lâu tú

VỆ

Kim tinh mộc tinh
thừa suyên
Kim tinh lâu tinh
sum vầy
Hỏa tinh bột tinh
kinh thiên
Thái ất triều thiên
Nhật nguyệt triều thiên
Mộc kế gặp sao quí

TẦN

Kim tinh ràng sao quí
Bột tinh kim tinh cùng giúp
Mộc tinh kim tinh cùng ở
tần
Thủy tinh nhập tần châu
Thái ất âm thiềm từ
kim tinh hồ nguyệt
Mặt trăng treo ngọn liệu

TỀ

Thủy tinh thồ tinh
triều bắc
Thủy tinh thanh thất bình
Thồ tinh muốn tề giải
Thồ tinh nên có nước

CHU

Thủy tinh danh tiếng
hiền vinh
Mộc tinh âm triều Bắc
huyết
Nhật tinh đế cư dương
Thủy tinh dương tương hội

NGÔ

Ất khí kỵ ngưu
Thủy viên phùng kim
Sao chổi triều sao bắc đầu
Thồ tinh huỳnh tinh cùng
hội đầy đủ
Thồ tinh gọi là thái
thường

TRUNG ƯƠNG

THÂN, DẬU, TUẤT, HỢI, TÝ, SỬU, DẦN, MẸO, THÌN, TỴ, NGỌ, MÙI

SỞ

Mặt giăng mặt trời
triều Bắc huyết

TRỊNH

Kim tinh mộc tinh gặp rồng
Nước sáng kim tinh sáng
Hồ la tương hội
Kim tinh hiệu là thái
thường dùng đầy đủ
Thồ qui tịnh quốc
Mộc tinh ràng đường
sao giốc

TỐNG

Thái dương tinh gặp qui
Hỏa tinh yến thiên ngung
Hỏa tinh viêm thiên
thịnh
dùng đầy đủ

YÊN

Mộc kế cùng dần
Tỵ văn nộc tinh

楚 水孛相逢 土埋雙女	周 金居日分 火遇金羅 計狀獅位 金火同周 孛騎獅子	秦 火臨陽位	晉 木
鄭 火入金鄉 尤防水至 木觸金童 却嫌見火	中宮 午 未 申 酉 戌 亥 子 丑 寅 卯 辰 巳		趙 火燒牛角 火入金鄉 尤防水至
宋 金乘火位 又怕逢水			魯 金忌白羊 水乘火位 又怕逢金
燕 金嫌人馬 金愁見火 索憂水入	吳 泉枯牛壑	齊 木打寶瓶 木怕逢金	衛 木討火星

SỞ	CHU	TẦN	TẦN
Thủy bột hương phùng Thổ mai sOng nữ	Kim cư nhật phận Hỏa ngộ kim la Kẻ trạng sư vị Kim hỏa đồng chu Bột kỵ sư tử	Hỏa lâm dương vị	Mộc
TRỊNH	TÝ NGỌ MÙI THÂN DẬU TUẤT HỢI TÝ SỬU DẦN MẸO THÌN TỴ TRUNG ƯƠNG		TRIỆU
Hỏa nhập kin hương Vưu phòng thủy chí Mộc xúc Kim long Khước hiểm kiến hỏa			Hỏa thiêu ngưu giốc Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí
TỐNG			LỖ
Kim thừa hỏa vị Hựu phạ phùng thủy			Kim kỵ bạch dương Thủy thừa hỏa vị Hựu phạ phùng kim
YÊN	NGÔ	TỀ	VỆ
Kim hiềm nhân mã Kim sầu kiến hỏa Sách ưu thủy nhập	Tuyền khô Ngưu hác	Mộc đả Bảo bình Mộc phạ phùng kim	Mộc đinh Hỏa tinh

楚 水孛相逢 土 雙女	周 金居日分 火過金羅 計狀獅位 金火同周 孛騎獅子	秦 火臨陽位	晉 木
鄭 火入金鄉 尤防水至 木觸金童 却嫌見火	中宮 巳 午 未 申 酉 戌 亥 子 丑 寅 卯 辰		趙 火燒牛角 火入金鄉 尤防水至
宋 金乘火位 又怕逢水			魯 金忌白羊 水乘火位 又怕逢金
燕 金嫌人馬 金愁見火 索憂水入	吳 泉枯牛壑	齊 木打寶瓶 木怕逢金	衛 木訂火星

TẦN Mộc	**TRIỆU** Hỏa thiêu ngưu giốc Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí	**LỖ** Kim kỵ brch dương Thủy thừa hỏa vị Hựu phạ phùng kim	**VỆ** Mộc đính Hỏa tinh
TẤN Hỏa lâm đương vị	TÝ SỬU DẦN MẸO THÌN TỴ NGỌ MÙI THÂN DẬU TUẤT HỢI TRUNG ƯƠNG		**TỀ** Mộc đã Bảo bình Mộc phạ phùng kim
CHU Kim cư nhật phận Hỏa ngộ kim la Kẻ trạng sư vị Kim hỏa đồng chu Bột kỵ sư tử			**NGÔ** Tuyển khô Ngưu hác
SỞ Thủy bột tương phùng Thổ mai song nữ	**TRỊNH** Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí Mộc xúc kim long Khước hiểm kiến hỏa	**TỐNG** Kim thừa hỏa vị Hựu phạ phùng thủy	**YÊN** Kim hiểm nhân mã Kim sầu kiến hỏa Sách ưu thủy nhập

TẦN Mộc	**TRIỆU** Hỏa tinh nhập Kim hương HỎA TINH đốt sao Ngưu sao giốc Càng nên phòng nước đến	**LỖ** Kim tinh kỵ Bạch dương Thủy tinh thừa hỏa vị Lại sợ gặp kim tinh	**VỆ** Mộc kề gặp Hỏa tinh
TẦN Hỏa tinh tới Dương vị	THÂN DẬU TUẤT HỢI MÙI TÝ NGỌ TRUNG ƯƠNG SỬU TỴ DẦN THÌN MẸO		**TỀ** Mộc tinh đả Bảo bình Mộc tinh sợ gặp Kim tinh
CHU Kim tinh cư nhật phận Hỏa tinh gặp kim la Kể tinh trượng sư vị Kim tinh hỏa tinh cùng hợp chu Bột tinh cưỡi sư tử			**NGÔ** Suối ngô ngưu hác
SỞ Thủy tinh bột tinh cùng gặp hồ tinh ma song nữ	**TRỊNH** Hỏa tinh nhập kim hương Càng nên phòng nước đến Mộc tinh chạm kim long Những lo thấy lửa	**TỐNG** Kim tinh thừa hỏa vị Lại sợ rằng gặp nước	**YÊN** Kim tinh ghét nhân mã Kim tinh sầu thấy lửa Đời lo nước nó vào

TẦN	Mộc	TRIỆU	Hỏa tinh nhập Kim hương HỎA TINH đốt sao Ngưu sao giốc Càng nên phòng nước đến	LỖ	Kim tinh kỵ Bạch dương Thủy tinh thừa hỏa vị Lại sợ gặp kim tinh	VỆ	Mộc kề gặp hỏa tinh
TẦN	Hỏa tinh tới Dương vị	TRUNG ƯƠNG TÝ SỬU DẦN MẸO THÌN TỴ NGỌ MÙI THÂN DẬU TUẤT HỢI				TỀ	Mộc tinh đả Bảo bình Mộc tinh sợ gặp Kim tinh
CHU	Kim tinh cư nhật phận Hảo tinh gặp kim la Kề tinh trượng sư vị Kim tinh hỏa tinh cùng hợp chu Bột tinh cưỡi sư tử					NGÔ	Suối ngô ngưu hác
SỞ	Thủy tinh bột tinh cùng gặp hồ tinh ma song nữ	TRỊNH	Hỏa tinh nhập kim hương Càng nên phòng nước đến Mộc tinh chạm kim long Những lo thấy lửa	TỐNG	Kim tinh thừa hỏa vị Lại sợ rằng gặp nước	YÊN	Kim tinh giết nhân mã kim tinh sầu thấy lửa Đời lo nước nó vào

TẤN	Mộc	TRIỆU	Hỏa tinh nhập Kim hương HỎA TINH đốt sao Ngưu sao giốc Càng nên phòng nước đến	LỖ	Kim tinh kỵ Bạch dương Thủy tinh thừa hỏa vị Lại sợ gặp kim tinh	VỆ	Mộc kẻ gặp Hỏa tinh
TẤN	Hỏa tinh tới Dương vị		THÂN DẬU TUẤT HỢI TÝ SỬU DẦN MẸO THÌN TỴ NGỌ MÙI TRUNG ƯƠNG			TỀ	Mộc tinh đả Bảo bình Mộc tinh sợ gặp Kim tinh
CHƯ	Kim tinh cư nhật phận Hỏa tinh gặp kim la Kẻ tinh trượng sư vị Kim tinh hỏa tinh cùng hợp chu Bột tinh cưỡi sư tử					NGÔ	Suối ngô ngưu hác
SỞ	Thủy tinh bột tinh cùng gặp hồ tinh ma song nữ	TRỊNH	Hỏa tinh nhập kim hương Càng nên phòng nước đến Mộc tinh chạm kim long Những lo thấy lửa	TÓNG	Kim tinh thừa hỏa vị Lại sợ rằng gặp nước	YÊN	Kim tinh ghét nhân mã Kim tinh sầu thấy lửa Đời lo nước nó vào

TẦN Mộc	**TRIỆU** Hỏa thiêu ngưu giốc Hỏa nhập kim hương Vưu phòng thủy chí	**LỖ** Kim kỵ bạch dương Thủy thừa hỏa vị Hựu phạ phùng kim	**VỆ** Mộc kế Hỏa tinh
TẦN Hỏa lâm dương vị	TRUNG ƯƠNG NGỌ MÙI THÂN DẬU TUẤT HỢI TÝ SỬU DẦN MẸO THÌN TỴ		**TỀ** Mộc đả Bảo bình Mộc Phạ phùng kim
CHU Kim cư nhật phận Hỏa ngộ kim la **Kê trạng** Sư vị Kim **hỏa đồng** chu Bột kỵ Sư tử			**NGÔ** Tuyền khô Ngưu hác
SỞ Thủy bột tương phùng Thổ mai song nữ	**TRỊNH** Hỏa nhập kim hươn Vưu phòng thủy chí Mộc xúc kim long Khước hiềm kiến hỏa	**TÓNC** Kim thừa hỏa vị Hựu phạ phùng thủy	**YÊN** Kim hiềm nhân mã Kim sầu kiến hỏa Sách ưu thủy nhập

晉

水土相會

秦

金纏鬼宿孛金
相助
木孛同秦
水入秦州
齊
太乙抱蟾金星
月掛柳稍

周

水名顯榮
木陰朝北
日帝居陽
水陽相會

楚

日月朝北户

趙

月到金牛
金星助月

鄭

金木逢龍水明金明
土羅相會
金號太常滿用
土歸鄭國
木纏角道

中宮

未 申 酉 卯 亥 子 丑 寅 戌 辰 乙 午

魯

土日合照
日遇白羊
火居婁宿

宋

太陽逢鬼
火燕天蝎
火炎天市
滿用

衛

金木乘川
金婁園分
火孛鶯天
太乙朝天
日月朝
木計逢鬼

齊

水土朝北
水清室瓶
土好齊懈
土宜有水

吳

乙氣騎牛
水爰逢金
孛星朝斗
土螢相會
滿用
土號太常

燕

木計同寅
己文木星

TẦN

Thủy thổ tương hội

TRIỆU

Nguyệt đáo
kim ngưu
Kim tinh
trợ nguyệt

LỖ

thổ nhật
hợp chiếu
Nhật ngộ
bạch dương
Hỏa cư lâu tú

VỆ

kim mộc thừa xuyên
kim lâu viên phận
Hỏa bột kinh thiên
Thái ất triều thiên
Nhật nguyệt triều
Mộc kề phùng quỷ

TẦN

Kim triền quỷ tú
Bột kim tương trợ
Mộc bột đồng tẩn
Thủy nhập tẩn châu
Thái ất bão thiềm
kim tinh hổ nguyệt
Nguyệt quải liễu tiêu

TỀ

Thủy thổ triều Bắc
Thủy thanh thất
bình
thổ hiếu tê giải
Thổ nghi hữu thủy

CHU

Thủy danh hiền vinh
Mộc âm triều bắc
Nhật đề cư dương
Thủy dương tương
hội

NGÔ

ất khí ky ngưu
Thủy viên phùng
kim
Bột tinh triều đẩu
thổ huỳnh tương hội
mãn dụng
thổ hiệu thái thường

SỞ

Nhật nguyệt
triều
Bắc hộ

TRỊNH

Kim mộc phùng long
thủy minh kim minh
Thổ la tương hội
kim hiệu thái thường
mãn dụng
thổ qui trịnh quốc
Mộc triền giốc đạo

TỐNG

Thái dương phùng
qủi
Hải yền thiên oa
Hỏa viêm thin thị
mãn dụng

YÊN

Môc kề đồng dẩn
Tỵ văn
mộc tinh

晉

水土相會

趙

月到金牛
金星助月

魯

土日合照
日遇白羊
火居婁宿

衛

金木乘川
金婁同分
火孛驚天
太乙朝天
日月朝
木計逢鬼

齊

水土北朝
水清室瓶
土好齊懈
土宜有水

吳

乙氣騎牛
水爰逢金
孛星朝斗
土螢相會
滿用土號
太常

燕

木計同寅
己文木星

宋

太陽逢鬼
火燕天隅
火夾天市
滿用

鄭

金木逢龍水明金明
土羅相會
金號太常滿用
土歸鄭國
木纏角道

楚

日月朝北户

周

水名顯榮
木陰朝北
日帝居陽
水陽相會

秦

金纏鬼宿孛金
相助
木孛同秦
水入秦州
齊
太乙抱蟾金星
月掛柳稍

中宮

子 丑 寅 卯 辰 巳 午 未 申 酉 戌 亥

TÂN

Thủy thổ tương hội

TRIỆU

Nguyệt đáo
kim ngưu
Kim tinh
trợ nguyệt

LỖ

thổ nhật
hợp chiếu
Nhật ngộ
bạch dương
Hỏa cư lâu tú

VỆ

kim mộc thừa xuyên
kim lâu viên phận
Hỏa bột kinh thiên
Thái ất triều thiên
Nhật nguyệt triều
Mộc kề phùng quỷ

TẦN

Kim triền quỷ tú
Bột kim tương trợ
Mộc bột đồng tần
Thủy nhập tần châu
Thái ất bão thiềm
kim tinh hồ nguyệt
Nguyệt quải liễu tiêu

CHU

Thủy danh hiền vinh
Mộc âm triều bắc
Nhật đề cư dương
Thủy dương tương
hội

TRUNG ƯƠNG

THÂN, DẬU, TUẤT, HỢI, TÝ, SỬU, DẦN, MẸO, THÌN, TỴ, NGỌ, MÙI

TỀ

Thủy thổ triều Bắc
Thủy thanh thất
bình
thổ hiếu tề giải
Thổ nghi hữu thủy

NGÔ

ất khí kỵ ngưu
Thủy viên phùng
kim
Bột tinh triều đầu
thỗ huỳnh tương hội
mãn dụng
thỗ hiệu thái thường

SỞ

Nhật nguyệt
triều
Bắc hộ

TRỊNH

Kim mộc phùng long
thủy minh kim minh
Thổ la tương hội
kim hiệu thái thường
mãn dụng
thổ qui trịnh quốc
Mộc triền giốc đạo

TỐNG

Thái dương phùng
qủi
Hải yền thiên oa
Hỏa viêm thin th
mãn dụng

YÊN

Môc kề đồng dẩn
Tỵ văn
mộc tinh

TẦN

Thủy tinh
thổ tinh
cùng hội

TRIỆU

Nguyệt đáo
kim ngưu
vị
Kim tinh trợ
nguyệt minh

LỖ

thổ tinh nhật tinh
hợp chiếu
Nhệt tinh gặp
bạch dương
Hỏa tinh cư
Lâu tú

VỆ

Kim tinh mộc tinh
thừa suyên
Kim tinh lâu tinh sum vầy
Hỏa tinh bột tinh
kinh thiên
thái ất triều tinh
Nhật nguyệt triều thiên
Mộc kế gặp sao quỉ

TẦN

Kim tinh ràng sao quỉ
Bột tinh kim tinh cùng
giúp
Mộc tinh bột tinh cùng
ở tần
thủy tinh nhập tần châu
Thái ất âm thiềm từ
kim tinh hồ nguyệt
Mặt găng treo ngọn liễu

CHU

Thủy tinh danh tiếng
hiển vinh
Mộc tinh âm triều
Bắc huyết
Nhật tinh đề cư dương
Thủy tinh dương
tương hội

TRUNG ƯƠNG

THÂN, DẬU, TUẤT, HỢI, TÝ, SỬU, DẦN, MẸO, THÌN, TỴ, NGỌ, MÙI

TỀ

Thủy tinh thổ tinh
triều bắc
thủy tinh thanh thất
bính
thổ tinh muốn tề giải
thổ tinh nên có nước

NGỌ

Ất khí kỵ ngưu
Thủy viên phùng kim
Sao chổi triều sao bắc đẩu
Thổ tinh huỳnh tinh cùng
hội đầy đủ
thổ tinh gọi là thái
thường

SỞ

Mặt giăng mặt trời
triều Bắc huyết

TRỊNH

Kim tinh mộc tinh gặp rồng
Nước sáng kim tinh sáng
KHỒ la tương hội
Kim tinh hiệu là thái
thường dùng đầy đủ
thổ qui trịnh quốc
Mộc tinh ràng đường
sao giốc

TỐNG

Thái dương tinh
gặp quỉ
Hỏa tinh yển
thiên ngung
Hỏa tinh viên thiên
thịnh
dùng đầy đủ

YÊN

Mộc kẻ cùng dẫn
Tỵ văn mộc tinh

TẦN Thủy tinh thổ tinh cùng hội	**TRIỆU** Nguyệt đáo kim ngưu vị Kim tinh trợ nguyệt minh	**LỖ** thổ tinh nhật tinh hợp chiếu Nhệt tinh gặp bạch dương Hỏa tinh cư Lâu tú	**VỆ** Kim tinh mộc tinh thừa suyên Kim tinh lâu tinh sum vầy Hỏa tinh bột tinh kinh thiên thái ất triều tinh Nhật nguyệt triều thiên Mọc kế gặp sao quỉ
TẦN Kim tinh ràng sao quỉ Bột tinh kim tinh cùng giúp Mộc tinh bột tinh cùng ở tần thủy tinh nhập tần châu Thái ất âm thiềm từ kim tinh hồ nguyệt Mặt găng treo ngọn liễu	TRUNG ƯƠNG NGỌ, MÙI, THÂN, DẬU, TUẤT, HỢI, TÝ, SỬU, DẦN, MẸO, THÌN, TỴ		**TẾ** Thủy tinh thổ tinh triều bắc thủy tinh thanh thất bính thổ tinh muốn tế giải thổ tinh nên có nước
CHU Thủy tinh danh tiềng hiển vinh Mộc tinh âm triều Bắc huyệt Nhật tinh đề cư dương Thủy tinh dương tương hội			**NGỌ** Ất khí kỵ ngưu Thủy viên phùng kim Sao chổi triều sao bắc đẩu Thổ tinh huỳnh tinh cùng hội đầy đủ thổ tinh gọi là thái thường
SỞ Mặt giăng mặt trời triều Bắc huyệt	**TRỊNH** Kim tinh mộc tinh gặp rồng Nước sáng kim tinh sáng KHỒ le tương hội Kim tinh hiệu là thái thường dùng đầy đủ thổ qui trịnh quốc Mộc tinh ràng đường sao giốc	**TỐNG** Thái dương tinh gặp quỉ Hỏa tinh yên thiên ngung Hỏa tinh viên thiên thịnh dùng đầy đủ	**YÊN** Mộc kè cùng dần Tỵ văn mộc tinh

TẦN

Thủy thổ tương hội

TRIỆU

Nguyệt đáo
kim ngưu
Kim tinh
trợ nguyệt

LỖ

thổ nhật
hợp chiếu
Nhật ngộ
bạch dương
Hỏa cư lâu tú

VỆ

kim mộc thừa xuyên
kim lâu viên phận
Hỏa bột kinh thiên
Thái ất triều thiên
Nhật nguyệt triều
Mộc kề phùng quỷ

TẦN

Kim triền quỷ tú
Bột kim tương trợ
Mộc bột đồng tần
Thủy nhập tần châu
Thái ất bão thiềm
kim tinh hồ nguyệt
Nguyệt quải liễu tiêu

TỀ

Thủy thổ triều Bắc
Thủy thanh thất
bình
thổ hiếu tề giải
Thổ nghi hữu thủy

CHU

Thủy danh hiền vinh
Mộc âm triều bắc
Nhật đề cư dương
Thủy dương tương
hội

NGÔ

ất khí kỵ ngưu
Thủy viên phùng
kim
Bột tinh triều đầu
thổ huỳnh tương hội
mãn dụng
thổ hiệu thái thường

SỞ

Nhật nguyệt
triều
Bắc hộ

TRỊNH

Kim mộc phùng long
thủy minh kim minh
Thổ la tương hội
kim hiệu thái thường
mãn dụng
thổ qui trịnh quốc
Mộc triền giốc đạo

TỐNG

Thái dương phùng
qủi
Hải yền thiên oa
Hỏa viêm thiện thị
mãn dụng

YÊN

Môc kẻ đồng dần
Tỵ văn
mộc tinh

TRUNG ƯƠNG

MÙI THÂN DẬU TUẤT HỢI TÝ SỬU DẦN MẸO THÌN TỴ NGỌ

BẢNG KÊ SÁCH

do TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU xuất-bản

Bán tại 240 Trần Bình Trọng Sài-gòn

Đ. T. 24142 — 93642

ĐẠI-HỌC

— Cây cỏ Miền Nam Việt-Nam, *Phạm-Hoàng Hộ*	150$
— Danh-từ Toán-học Pháp-Việt	60$
— Danh-từ Hóa-học Pháp-Việt	100$
— Danh-từ Thực-vật Pháp-Việt	80$
— Danh-từ Động-vật Pháp-Việt	80$
— Lịch-sử Triết-học Đông-phương, *Nguyễn-Đăng-Thục*	
* Tập IV	400$
* Tập V	120$
— Nhập môn Triết-học Ấn-độ, *Lê-Xuân-Khoa*	100$
— Giáo-dục Nhật-bản hiện-đại, *Đoàn-văn-An*	120$
— Sinh-học Thực-vật, *Phạm-Hoàng Hộ*	180$
— Nông-học đại-cương, *Tôn-thất Trình*	140$
— Tảo-học, *Phạm-Hoàng Hộ*	200$
— Sơ thảo Ngữ Pháp Việt Nam, *L.M. Lê-văn-Lý*	60$
— Sản-khoa, *B.S. Đặng-Hóa-Long*	
* Quyển I	300$
* Quyển II	400$
* Quyển III và IV	350$
— Mục-lục phân-tích Tạp-chí Nam-Phong, *L M. Nguyễn-Khắc-Xuyên*	150$
— Lược-khảo Văn-học, *Nguyễn-văn-Trung*	
* Tập I	65$
* Tập II	65$

— Danh-từ Hệ Thần-kinh Trung-ương, *Nguyễn-Thành-Long* 200$

— Hiển-hoa bí-tử, *Phạm-Hoàng Hộ* 400$

— Le Contrôle de l'exécution des dépenses du budget de l'Etat au Viet-Nam, *Lê-Quế-Chi* 120$

SẮP XUẤT-BẢN

— Rong biển Việt-Nam, *Phạm-Hoàng Hộ*
— Giao-thoa, *Nguyễn-Chung-Tú*
— Giác-quan và Danh-từ Tổng-quát, *Trần-Tấn-Trọng*
— Ngữ-vựng Nguyên-tử-năng

TRUNG-HỌC

— Việt-Nam Văn-học Sử-yếu, *Dương-Quảng-Hàm* 25$
— Việt-Nam Thi văn hợp-tuyển, *Dương-Quảng-Hàm* 20$
— Văn-học Việt-Nam, *Dương-Quảng-Hàm* 20$
— Hán-văn Giáo-khoa thư, *Võ-Như-Nguyện, Nguyễn-Hồng-Giao* 40$
— Việt-văn độc-bản đệ tam, *Trần-Trọng-San* 55$
— Việt-văn độc-bản đệ-nhị, *Đàm-Xuân-Thiều, Trần-Trọng-San* 75$
— Thượng-chi Văn-tập, *Phạm-Quỳnh*

* Tập I 35$
* Tập II 35$
* Tập III 35$
* Tập IV 35$
* Tập V 25$

— Chương-trình Trung-học 20$

— Thế-giới sử đệ nhất, *Tăng-Xuân-An* 45$
— Cơ-học đệ nhất, *Nguyễn-Xuân-Vinh* 70$
— Hóa-học đệ tam, *Phạm-Đình-Ái* 20$
— Hóa-học đệ nhị, *Phạm-Đình-Ái* 35$
— Hóa-học đệ nhất, *Phạm-Đình-Ái* 40$
— Số-học đệ nhất, *Đặng-văn-Nhân* 45$
— Anh-ngữ đệ thất, *Nguyễn-Đình-Hòa* 40$
— Anh-ngữ đệ lục, *Nguyễn-Đình-Hòa* 40$
— Văn-phạm Việt-Nam, giản-dị và thực-dụng, *Bùi-Đức-Tịnh* 45$
— Nhân-vật Đông-Châu, *Thanh-Lan Võ-Ngọc-Thành* 250$
— Lượng-giác-học đệ nhất, *Nguyễn-Xuân-Vinh* 35$

SẮP XUẤT-BẢN

— Phương-Pháp làm bài Nghị-luận, *Thuần-Phong*

TIỂU-HỌC

— Tám chục trò chơi lành mạnh, *Nguyễn-văn-Chính* 35$
— Chương-trình Tiểu-học 35$

CHUYÊN-NGHIỆP

— Kỹ-thuật điền-kinh, *Nguyễn-văn-Chính* 15$
— Quản-trị học-đường, *Trần-văn-Quế, Vũ-Ngô-Xán, Vũ-Nam-Việt* 40$
— Sư-Phạm lý-thuyết, *Trần-văn-Quế* 40$
— Sư-Phạm thực-hành, *Trần-văn-Quế* 30$
— Luân-lý chức-nghiệp nhà giáo, *Nguyễn-Gia-Tường* 50$
— Tâm-lý học ứng-dụng, *Phạm-Xuân-Độ* 30$

— Những vinh nhục của César Birotteau, *Mặc-Đỗ*
(Grandeurs et Décadences de César Birotteau,
Honoré de Balzac) 350$

— Kim-Van-Kiéou, *René Crayssac*
(Đoạn trường Tân Thanh, *Nguyễn-Du*) 240$

— Nhập môn nghiên-cứu y-khoa
thực-nghiệm, *N.B. Trần-văn-Bảng*
(Introduction à l'étude de la médecine expérimentale,
Claude Bernard) 120$

SẮP XUẤT-BẢN

— Triết-học nhập môn, *Lê-Tôn-Nghiêm*
(Introduction à la philosophie, *Karl Jaspers)*

DỊCH-PHẨM ANH-VĂN

— Bên-bờ sông xanh, *Nguyễn-văn-Mừng*
(The Mill on the Floss, *George Eliot)* 28$

— Lưỡi dao cạo, *Nguyễn-Ngọc-Phi* (The Razor's
Edge, *Somerset Mangham)* 120$

— Mũi tên đen, *Nguyễn-Đăng-Hải* (The Black
Arrow, *Robert Louis Stevenson)* 25$

— Từ-Hi Thái-hậu, *Tôn-Thất-Hanh*
(Imperial woman, *Pearl Buck)* 350$

DỊCH-PHẨM HÁN-VĂN

— Kiến-văn tiểu-lục (*Lê-Quý-Đôn*) 120$

— Speak Vietnamese, *Nguyễn-Đình-Hòa* 150$
— Căn bản nhu-đạo, *Thượng-Tọa Thích Tâm-Giác* 20$
— Tập-luyện bơi lội, *Nguyễn-văn Đào* 55$
— Khái-luận bóng tròn, *Nguyễn-văn-Chính* 65$

SẮP XUẤT-BẢN

— Bài đàn tranh, *Nguyễn-Hữu-Ba*
— Sư-phạm chuyên-biệt, *Hồ-văn-Huyên*

DỊCH-PHẨM PHÁP-VĂN

— Femme de Guerrier, *Huỳnh-Khắc-Dụng*
(Chinh-phụ ngâm-khúc, *Đoàn-thị-Điểm*) 40$
— Les Plaintes d'une Odalisque, *Huỳnh-Khắc-Dụng*
(Cung-oán ngâm-khúc, *Nguyễn-Gia-Thiều*) 28$
— Vạn-pháp tinh lý, *Trịnh-Xuân-Ngạn*
(L'Esprit des Lois, *Montesquieu*) 30$
— Tế-bào sống, *Phạm-Hoàng Hộ*
(La Cellule vivante, *H. Firket*) 30$
— Địa-lý học thực-vật, *Lê Công Kiệt*
(La Géographie botanique, *Jules Carles*) 50$
— Sự yên lặng của biển cả, *Trịnh-Huy-Tiến*
(Le Silence de la Mer, *Vercors*) 100$
— Dòng-dõi Roquevillard, *Trịnh-Xuân-Ngạn*
(Les Roquevillard, *Henry Bordeaux*) 220$
— Ông già Goriot, *Đào-Đăng-Vỹ*
(Le père Goriot, *Honoré de Balzac*) 180$

Tập I, *Lê-Mạnh-Liêu* dịch 120$

Tập II, *Đàm-Duy-Tạo* dịch 120$

— Sự-tích vị thần xã Đa-hòa, *Đinh-Nho-Linh* 12$

— Trần-Công-Xán Sự-trạng, *Đinh-Nho-Linh* 15$

— Kinh-Thư, *Thẩm-Quỳnh* 160$

— Đại-học, *Phạm-Ngọc-Khuê* 30$

— Luận-ngữ, *Lê Phục-Thiện*

Tập I 95$

Tập II 90$

Tập III 150$

— Đại-Việt Quốc-Thư (*Quang-Trung Nguyễn-Huệ*), *Hoàng-văn-Hoè* 140$

— Mạnh-tử, *Nguyễn-Thượng-Khôi*

Tập Thượng 300$

Tập hạ 300$

— Kinh Chu-Dịch bản nghĩa, *Nguyễn-Duy-Tinh*

Kinh Thượng 180$

Kinh Hạ 250$

— Thi Kinh Tập Truyện I, *Tạ-Quang-Phát* 500$

— Thục An-Dương Vương sự-tích, *Đinh-Nho-Linh* 50$

— Công-Thần-lục, *Nguyễn-Thế-Nghiệp* 80$

— Tam khôi bị lục (*Hồ-Ngu-Thuy, Nguyễn-Hữu-Tủng* 120$

— Hồng-Vũ cấm-thư I (*Dương-Quân-Tùng*), *Nguyễn-văn-Minh* 150$

SẮP XUẤT-BẢN

— Thi Kinh Tập Truyện II, *Tạ-Quang-Phát*
— Kiến-văn-lục, *Đàm-Duy-Tạo*
— Dã-sử
— Lĩnh-Nam dật-sử
— Đăng-Khoa lục sưu giảng, *Đạm-Nguyên*
— Nam-quốc vĩ-nhân truyện, *Cung-Thúc-Thiềm*
— Nguyễn-triều long hưng sự-tích
— Hùng-Vương sự-tích ngọc-phả cổ truyền
— Lập-trai tiên-sinh hành-trạng



IN TẠI NHÀ IN BÌNH-MINH
338, Trương-minh-Giảng
SAIGON

HV 11

GIÁ : **200$**